

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định)

(Kèm theo Quyết định số: 28/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2026 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Dan h mục dự án	Địa điểm xây dựng (sau sắp xếp)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định đầu tư		Đã bố trí kế hoạch vốn các năm 2021-2025					Kế hoạch đầu tư công năm 2026					Chủ đầu tư	Ghi chú				
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (TMDT)																
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương	Trong đó: ngân sách trung ương	ODA	vay lại	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Trong đó: ngân sách trung ương	ODA	Vay lại	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			NSDP	NSTW	ODA	Vay lại
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	TỔNG SỐ					24.711.614	8.838.143	1.185.622	560.808	62.312	5.354.841	1.211.059	209.735	-	-	3.033.180	1.731.900	483.395	45.099	5.011		
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	21	26	113		22.310.065	8.838.143				4.914.180	1.211.059	-			2.499.675	1.731.900		-	-		
A1	VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ	12	20	99		11.209.303	4.337.831				2.015.772	450.218	-			1.177.187	860.900		-	-		
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	4	5	4		711.673	42.701				218.000	-	-			42.701	42.701		-	-		
a	Danh mục dự án đầu tư công khẩn cấp, đầu tư công đặc biệt	4	4	4		711.673	42.701				218.000	-	-			42.701	42.701		-	-		Dự án cần hoàn thiện thủ tục đầu tư trước 30/11/2025, hoàn thành dự án trước 30/8/2026 theo chủ đạo Bộ Chính trị
(2)	Dự án chuyển tiếp	4	4	4		711.673	42.701				218.000	-	-			42.701	42.701		-	-		
1	Trường phổ thông nội trú TH&THCS Kiên Mộc, xã Kiên Mộc, tỉnh Lạng Sơn	Xã Kiên Mộc		2025-2026		185.108	11.106				69.600					11.106	11.106				Sở Giáo dục và Đào tạo	Đối ứng theo cam kết Báo cáo Bộ GDĐT
2	Trường phổ thông nội trú Tiểu học và Trung học cơ sở Quốc Khánh	Xã Quốc Khánh		2025-2026		181.261	10.876				51.100					10.876	10.876				Công an tỉnh	Đối ứng theo cam kết Báo cáo Bộ GDĐT
3	Trường phổ thông nội trú TH&THCS Khuất Xá, xã Khuất Xá, tỉnh Lạng Sơn	Xã Khuất Xá		2025-2026		167.461	10.048				47.200					10.048	10.048				Sở Giáo dục và Đào tạo	Đối ứng theo cam kết Báo cáo Bộ GDĐT
4	Trường phổ thông nội trú Tiểu học và Trung học cơ sở Mẫu Sơn	Xã Mẫu Sơn		2025-2026		177.843	10.671				50.100					10.671	10.671				Công an tỉnh	Đối ứng theo cam kết Báo cáo Bộ GDĐT
II	Quy hoạch	1	1	1		12.362	9.862				6.050	3.550	-			6.312	6.312		-	-		
(2)	Dự án chuyển tiếp	1	1	1		12.362	9.862				6.050	3.550	-			6.312	6.312		-	-		
1	Điều chỉnh quy hoạch tỉnh Lạng Sơn, thời kỳ 2021-2030	tỉnh Lạng Sơn		2025-2026		12.362	9.862				6.050	3.550				6.312	6.312				Sở Tài chính	Đã bố trí kinh phí để triển khai ngay trong năm 2025
III	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật	7	7	7		9.461.500	3.261.500				1.046.652	446.668	-			997.274	680.987		-	-		
1	Hỗ trợ Đề án phát triển giao thông nông thôn giai đoạn 2026-2030			2026-2030		300.000	300.000									60.000	60.000				Sở Xây dựng	
2	Cấp vốn điều lệ cho Quỹ bảo vệ môi trường			2026-2030		25.000	25.000									5.000	5.000				Sở Nông nghiệp và Môi trường	
3	Cấp vốn điều lệ cho Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh			2026-2028		18.000	18.000									6.000	6.000				Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	
4	Cấp vốn điều lệ cho Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh			2026-2028	1158/QĐ-UBND ngày 01/7/2024	15.000	15.000									5.000	5.000				Liên minh Hợp tác xã	
5	Ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội			2026-2030	915/QĐ-UBND ngày 23/5/2024	500.000	500.000									100.000	100.000				Sở Nội vụ	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (sau sắp xếp)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định đầu tư		Đã bố trí kế hoạch vốn các năm 2021-2025					Kế hoạch đầu tư công năm 2026					Chủ đầu tư	Ghi chú				
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (TMDT)																
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương	Trong đó: ngân sách trung ương	ODA	vay lại	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Trong đó: ngân sách trung ương	ODA	Vay lại	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			NSDP	NSTW	ODA	Vay lại
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
6	Tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT	Chi Lăng, TPLS, Cao Lộc	2023-2026	43km tuyến chính, 17km tuyến nối cửa khẩu	41/NQ-HĐND ngày 30/12/2022; 2014/QĐ-UBND ngày 04/12/2023; 18/NQ-HĐND ngày 28/4/2025	8.200.000	2.000.000				1.046.652	446.668				767.775	451.488				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Tiếp tục rà soát, cân đối trong năm
7	Bố trí cho các nhiệm vụ, dự án chuyển tiếp từ cấp huyện chuyển về	Tỉnh Lạng Sơn	2026-2030			403.500	403.500									53.499	53.499					Chi tiết tại biểu 2d
IV	Trả nợ gốc, lãi vay					56.606	56.606				95.270					5.400	5.400				Sở Tài chính	
V	Phân cấp cho cấp xã					685.200	685.200				571.000					120.000	120.000					Chi tiết tại biểu 2c
VI	Chuẩn bị đầu tư			87		15.000	15.000				19.000					5.500	5.500					Chi tiết tại biểu 2a
A2	VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT	7	5	12		11.051.282	4.451.032				2.877.958	748.841	-			1.301.488	850.000		-	-		
I	Giao thông	3	3	3		980.700	580.450				402.593	245.920	-			196.167	196.167		-	-		
(2)	Dự án chuyển tiếp	3	3	3		980.700	580.450				402.593	245.920	-			196.167	196.167		-	-		
1	Dự án Đường Lũng Vải - Bình Độ -Tân Minh đoạn từ Km12 - Km20	xã Kháng Chiến	7,5km	2024-2026	2196/QĐ-UBND ngày 10/11/2021	40.720	40.720				15.920	15.920				24.800	24.800				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	
2	Đường tránh ĐT.226 (đoạn qua thị trấn Bình Gia, Văn Mịch) và khu TĐC, DC thị trấn Bình Gia	xã Bình Gia, Hồng Phong	21,9 km cấp VI miền núi	2023-2026	46/NQ-HĐND ngày 25/11/2021	249.667	99.667				160.225	80.000				19.667	19.667				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	
3	Đường Lý Thái Tổ kéo dài và khu dân cư, tái định cư TPLS	phường Đông Kinh		2023-2026	40/NQ-HĐND ngày 25/11/2021	690.313	440.063				226.448	150.000				151.700	151.700				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	
II	Văn hóa	2	2	2		43.577	43.577				13.599	13.599	-			29.978	29.978		-	-		
(2)	Dự án chuyển tiếp	2	2	2		43.577	43.577				13.599	13.599	-			29.978	29.978		-	-		
1	Khởi biểu tượng Chiến thắng 17/10 tại vườn hoa 17/10 thành phố Lạng Sơn	phường Đông Kinh		2025-2026	1909/QĐ-UBND ngày 21/11/2023	33.728	33.728				9.000	9.000				24.728	24.728				Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
2	Tôn tạo và phát huy giá trị Di tích Địa điểm Thủy Môn Đình, thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn	xã Đồng Đăng		2024-2026	401/QĐ-UBND ngày 13/3/2023	9.849	9.849				4.599	4.599				5.250	5.250				Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
III	An ninh và trật tự, an toàn xã hội	1	1	1		43.887	43.887				10.354	10.354	-			33.533	33.533		-	-		
(2)	Dự án chuyển tiếp	1	1	1		43.887	43.887				10.354	10.354	-			33.533	33.533		-	-		
1	Mở rộng trụ sở làm việc phòng CS PCCC&CNCH tỉnh Lạng Sơn	phường Đông Kinh		2025-2027	27/QĐ-UBND ngày 26/02/2024	43.887	43.887				10.354	10.354				33.533	33.533				Công an tỉnh	
IV	Công trình công cộng tại các đô thị	1	1	1		51.618	51.618				30.100	30.100	-			15.000	15.000		-	-		
(2)	Dự án chuyển tiếp	1	1	1		51.618	51.618				30.100	30.100	-			15.000	15.000		-	-		
1	Công viên bờ sông Kỳ Cùng (đoạn từ Khách sạn Đông Kinh đến Đền Kỳ Cùng) và bãi đỗ xe công cộng phường Lương Văn Tri	phường Đông Kinh		2025-2027	2084/QĐ-UBND ngày 23/9/2025; 2292/QĐ-UBND ngày 31/10/2025	51.618	51.618				30.100	30.100				15.000	15.000				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (sau sắp xếp)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định đầu tư					Đã bố trí kế hoạch vốn các năm 2021-2025					Kế hoạch đầu tư công năm 2026					Chủ đầu tư	Ghi chú	
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (TMDT)																
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương	Trong đó: ngân sách trung ương	ODA	vay lại	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Trong đó: ngân sách trung ương	ODA	Vay lại	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSDP	NSTW	ODA			Vay lại
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
V	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội			1		38.000	38.000				13.173	2.200	-			24.827	24.827		-	-		
(2)	Dự án chuyển tiếp			1		38.000	38.000				13.173	2.200	-			24.827	24.827		-	-		
1	Nhà hành chính Trụ sở HĐND và UBND huyện Bình Gia	xã Bình Gia	02 tầng + 01 tầng bán hầm	2024-2026	968/QĐ-UBND ngày 23/6/2023	38.000	38.000				13.173	2.200				24.827	24.827				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Điều chỉnh giảm quy mô
VI	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật		-2	4		8.893.500	2.693.500				1.046.652	446.668	-			771.125	319.637		-	-		
1	Thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính thường xuyên					500	500									500	500				Sở Nông nghiệp và Môi trường	
-	Bố trí cho công tác chuẩn bị đầu tư					500	500									500	500					Chi tiết tại biểu 2a
2	Đổi ứng chương trình mục tiêu quốc gia		2026-2030			450.000	450.000									2.300	2.300					
-	Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030		2026-2030		7619/QĐ-BCA ngày 04/9/2025											2.000	2.000					Chương trình MTQG ma túy đã được phê duyệt, chưa có nguyên tắc tiêu chí phân bổ và tỷ lệ đối ứng NSDP, bố trí NSDP chuẩn bị đầu tư (chi tiết tại biểu 2a)
-	Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, giai đoạn I: từ năm 2025 đến năm 2030		2026-2030		3399/QĐ-BVHTTDL ngày 21/10/2025											300	300					Chương trình MTQG văn hóa đã được phê duyệt, đã có nguyên tắc tiêu chí phân bổ và tỷ lệ đối ứng NSDP, bố trí NSDP chuẩn bị đầu tư (chi tiết tại biểu 2a)
3	Tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT	Chi Lăng, TPLS, Cao Lộc	2023-2026	43km tuyến chính, 17km tuyến nối cửa khẩu	41/NQ-HĐND ngày 30/12/2022; 2014/QĐ-UBND ngày 04/12/2023; 18/NQ-HĐND ngày 28/4/2025	8.200.000	2.000.000				1.046.652	446.668				767.775	316.287				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh là đại diện cơ quan có thẩm quyền	
4	Cải tạo, sửa chữa các tuyến đường đến trung tâm xã sau sắp xếp	Tỉnh Lạng Sơn	2026-2030		2649-KL/TU ngày 28/6/2025	243.000	243.000									550	550		-	-		735-ĐU/UBND ngày 03/7/2025, 189/TTr-SXD ngày 05/8/2025
-	Bố trí cho công tác chuẩn bị đầu tư (các dự án còn lại)					550	550									550	550					Chi tiết tại biểu 2a
VII	Phân cấp cho cấp xã					850.000	850.000				1.080.500					162.065	162.065					
VIII	Quy phát triển đất					150.000	150.000				280.987					68.793	68.793					
A3	ĐẦU TƯ TỪ THU XỐ SỔ KIẾN THIẾT	2	1	2		49.480	49.280				20.450	12.000	-			21.000	21.000		-	-		
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	2	1	2		49.480	49.280				20.450	12.000	-			21.000	21.000		-	-		
(2)	Dự án chuyển tiếp	2	1	2		49.480	49.280				20.450	12.000	-			21.000	21.000		-	-		
1	Nâng cấp, mở rộng Trường THPT Cao Lộc	phường Kỳ Lừa		2025-2027	611/QĐ-UBND ngày 11/3/2025	34.580	34.580				10.250	10.000				16.300	16.300				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
2	Cải tạo, nâng cấp điểm trường Cơ Khí, Trường Tiểu học 2 thị trấn Đồng Mô, huyện Chi Lăng	Xã Chi Lăng		2025-2027	614/QĐ-UBND ngày 11/3/2025	14.900	14.700				10.200	2.000				4.700	4.700				Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Dự kiến hoàn thành năm 2026
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (TRONG NƯỚC)					1.588.049	-	1.185.622	-	-	440.661	-	209.735	-	-	483.395	-	483.395	-	-		
I	Giao thông					1.087.749	-	685.622	-	-	440.661	-	209.735	-	-	409.887	-	409.887	-	-		
(2)	Dự án chuyển tiếp					1.087.749	-	685.622			440.661	-	209.735	-	-	409.887	-	409.887	-	-		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (sau sắp xếp)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định đầu tư		Đã bố trí kế hoạch vốn các năm 2021-2025					Kế hoạch đầu tư công năm 2026					Chủ đầu tư	Ghi chú				
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư (TMDT)																
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương	Trong đó: ngân sách trung ương	ODA	vay lại	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Trong đó: ngân sách trung ương	ODA	Vay lại	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			NSDP	NSTW	ODA	Vay lại
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
1	Đường tránh ĐT.226 (đoạn qua thị trấn Bình Gia, Văn Mịch) và khu TĐC, DC thị trấn Bình Gia	xã Bình Gia	21,9 km cấp VI miền núi	2023-2026	46/NQ-HĐND ngày 25/11/2021; 2079/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	249.677		150.000			160101		79925			70.075		70.075				
2	Đường Lý Thái Tổ kéo dài và khu dân cư, tái định cư TPLS	phường Đồng Kinh		2023-2026	40/NQ-HĐND ngày 25/11/2021; 2075/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	690.313		388.063			226448		75898			246.165		246.165				
3	Xây dựng tuyến đường giao thông kết nối khu công nghiệp Hữu Lũng, ĐT.245 với QL.31 - Cảng Mỹ An (tỉnh Bắc Giang)	xã Hữu Lũng, Tuấn Sơn	4,9km đường cấp III miền núi	2024-2027	NQ 43/NQ-HĐND ngày 25/11/2021; 06/NQ-HĐND ngày 24/3/2022; 1908/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	147.759		147.559			54112		53912			93.647		93.647				
IX	Thể dục, thể thao					500.300	-	500.000	-	-	-	-	-	-	-	73.508	-	73.508	-	-		
(2)	Dự án chuyển tiếp					500.300	-	500.000	-	-	-	-	-	-	-	73.508	-	73.508	-	-		
1	Khu liên hợp thể thao tỉnh Lạng Sơn (Hạng mục: Sân vận động trung tâm, Nhà thi đấu đa năng)	Phường Đồng Kinh	29ha (nhà thi đấu đa năng; nhà ở vận động viên; nhà luyện tập; khu thể thao ngoài trời; trạm xử lý nước thải)	2024-2027	43/NQ-HĐND ngày 8/12/2023	500.300		500.000			-					73.508		73.508				
C	VỐN NƯỚC NGOÀI					813.500	-	-	560.808	62.312	-	-	-	-	-	50.110	-	-	45.099	5.011		
II	Xã hội					813.500	-	-	560.808	62.312	-	-	-	-	-	50.110	-	-	45.099	5.011		
(3)	Dự án khởi công mới					813.500	-	-	560.808	62.312	-	-	-	-	-	50.110	-	-	45.099	5.011		
1	Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc, tỉnh Lạng Sơn	tỉnh Lạng Sơn		2026-2030	576/QĐ-TTg ngày 11/5/2022; 1077/QĐ-TTg ngày 04/6/2025	813.500			560.808	62.312						50.110			45.099	5.011		